

ĐÁNH GIÁ VAI TRÒ CỦA BỘ MÁY KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

Hà Hồng Hạnh*, Lê Quang Dũng**

Bộ phận kiểm toán nội bộ được xem như là một trong những nhân tố hữu hiệu giúp các ngân hàng giảm thiểu rủi ro. Bài viết tập trung đánh giá phân tích vai trò của kiểm toán nội bộ trong hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động tương đối ấn tượng trong năm 2011-2012.

Từ khóa: Kiểm toán nội bộ, ngân hàng thương mại cổ phần.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống ngân hàng là huyết mạch của nền kinh tế, do đó quản trị nội bộ nói chung và quản trị rủi ro nói riêng để bảo đảm hiệu quả hoạt động là vấn đề rất quan trọng không chỉ đối với bản thân các ngân hàng mà với cả nền kinh tế. Kiểm toán nội bộ gần đây được Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại nhìn nhận như một phương thức hữu hiệu của quản trị nội bộ nói chung và quản trị rủi ro nói riêng trong ngân hàng thương mại. Quan điểm này đã phát huy đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

Năm 2012 được xem như là một năm khó khăn đối với các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) nhà nước khi những số liệu phản ánh

tình hình tài chính và tốc độ tăng trưởng không đạt được kỳ vọng: tăng trưởng tín dụng thấp (toàn ngành là 8,91%). Thêm vào đó, “nợ xấu” (tỷ lệ nợ xấu toàn ngành là 8,6%) đã trở thành một vấn đề đáng lo ngại đối với tất cả các NHTMCP lớn như NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank - VCB), NHTMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank – CTG),...

Bảng 1 và 2 khái quát tình hình hoạt động của những NHTMCP nhà nước lớn.

Có thể thấy tỷ số ROA và ROE của các ngân hàng có xu hướng rất khác nhau. Nếu xem xét cụ thể thì NHTMCP Quân đội (MB) là ngân hàng có ROA và ROE cao và ổn định. Hai tỷ số trên của VCB và

Bảng 1: Quy mô tài sản và hiệu quả hoạt động

Chỉ tiêu	Tốc độ tăng trưởng tài sản		Tốc độ tăng trưởng VCSH	
	ROA		ROE	
	2012	2011	2012	2011
VCB	13,02%	19,21%	45,09%	38,11%
BIDV	19,48%	10,78%	8,63%	0,70%
CTG	9,36%	25,21%	18,02%	56,54%
MB	26,49%	26,64%	33,41%	8,55%

Nguồn: VCB, BIDV, CTG, MB (2011-2012)

Bảng 2: Chất lượng tín dụng

Tại thời điểm 31/12/2012	VCB	BIDV	CTG	MB
Tăng trưởng dư nợ (%)	15,16	15,65	13,61	26,14
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,40	2,92	1,47	1,86
Tổng dự phòng/ Tổng nợ xấu (%)	91,4	64,56	75,12	95,71

Nguồn: VCB, BIDV, CTG, MB (2011-2012)

CTG không thực sự ấn tượng như MB mặc dù đây là hai ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn nhất. Trong khi đó, tại 31/12/2012, BIDV là ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn thứ ba nhưng ROA và ROE của BIDV là tương đối thấp, nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận thực hiện của ngân hàng còn thấp, trong khi các chỉ tiêu quy mô của BIDV không hề thua kém.

Trong ba NHTMCP Nhà nước (VCB, BIDV và CTG) có cùng quy mô danh mục tín dụng thì BIDV có mức tăng trưởng tín dụng khả quan nhất, đạt 15,65%, nhưng tỷ lệ nợ xấu của BIDV lại ở mức cao nhất, 2,92%. Đối với các ngân hàng thì tỷ lệ nợ xấu là một chỉ tiêu tương đối quan trọng. Nó cho thấy chất lượng danh mục tín dụng của các ngân hàng. Tuy nhiên, tỷ lệ này có thể bị ảnh hưởng do các yếu tố khác nhau như các biện pháp kỹ thuật, cách phân loại nợ khác nhau giữa các ngân hàng hoặc cùng một cách phân loại nợ nhưng tiêu chí chấm điểm và tỷ trọng điểm khác nhau... Trong trường hợp của BIDV, nguyên nhân có thể đến từ những khó khăn chung mang tính thời điểm của nền kinh tế khi BIDV vẫn còn nắm giữ khoảng 3,629 tỷ dư nợ nhóm khách hàng Vinashin hiện vẫn phải phân loại ở nhóm 2 (Nợ cần chú ý) thay vì nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Vấn đề cần chú ý là nhiều rủi ro tiềm ẩn khi BIDV mới chỉ trích lập 64,56% dự phòng cho những khoản nợ xấu – thấp nhất trong bốn ngân hàng.

Đối với MB, các tỷ lệ trên đều cho thấy đây là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhất (26,14%) đồng thời chất lượng tín dụng rất đảm bảo thể hiện ở tỷ lệ nợ xấu thấp nhất, chỉ 1,86%. Thêm vào đó, tỷ lệ trích lập dự phòng của MB là rất tốt: 95,71%.

Như vậy, trong bối cảnh khó khăn hiện tại của ngành ngân hàng, hoạt động của MB và BIDV có

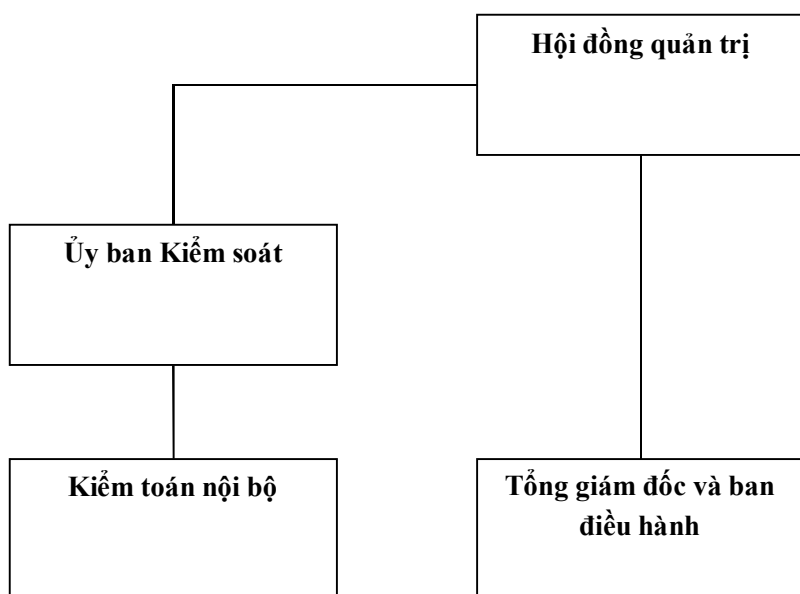
thể được xem là vượt trội. Phần tiếp theo của bài viết tập trung phân tích về Kiểm toán nội bộ dựa trên hoạt động cụ thể của BIDV và MB để xem xét những kết quả tích cực mà Kiểm toán nội bộ của các ngân hàng này đã đạt được, làm kinh nghiệm tham khảo cho các ngân hàng thương mại khác.

2. Thảo luận vấn đề nghiên cứu

Bộ máy kiểm toán nội bộ là hệ thống tổ chức của các kiểm toán viên do đơn vị tự lập ra theo yêu cầu quản trị nội bộ và thực hiện nền nếp, kỷ cương quản lý. Như vậy, bộ máy kiểm toán nội bộ chính là một công cụ quản lý giám sát hiệu quả từ bên trong đơn vị, giúp cho đơn vị đạt được mục tiêu ngay từ những bước công việc đầu tiên.

Ở Việt Nam vấn đề kiểm toán nội bộ còn khá mới mẻ, đặc biệt là trong các tổ chức tín dụng hay các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, Chính phủ đã ban hành nhiều thông tư, quy định bước đầu tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng. Cụ thể, Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước đã hướng dẫn các chức năng cơ bản của bộ máy kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của tổ chức; phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng... Như vậy, kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ đánh giá hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng. Kiểm toán nội bộ sẽ không thực hiện một số công việc can thiệp đến phòng KSNB như: rà soát, đánh giá lại phương pháp, chương trình kiểm tra của phòng KSNB, chọn mẫu kiểm toán lại công việc của phòng KSNB... Kiểm toán nội bộ phải được tách biệt với kiểm soát nội bộ. Kiểm toán nội bộ là việc rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ

Sơ đồ 1: Mô hình chung của ủy ban kiểm soát tại các Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước



Nguồn: Tác giả xây dựng

quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Kiểm toán nội bộ tiến hành cả ba loại hình kiểm toán: Kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính. Phạm vi công việc của kiểm toán nội bộ không chỉ bao hàm chức năng của kiểm toán tuân thủ mà còn đánh giá toàn hệ thống thông qua kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ.

Hiện nay, bộ máy kiểm toán nội bộ của các ngân hàng TMCP nhà nước được tổ chức và quản lý bởi một ủy ban kiểm toán (hay ủy ban kiểm soát) gồm ít nhất ba thành viên (sơ đồ 1).

Với mô hình tổ chức tách biệt với ban điều hành, ủy ban kiểm soát có quyền chủ động trong việc thực hiện công việc của mình tại bất cứ bộ phận, phòng ban chức năng nào của tổ chức. Tính độc lập được bảo đảm khi bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc quyền kiểm soát trực tiếp của của Ủy ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị.

Với mô hình tổ chức trực thuộc hội đồng quản trị, ủy ban kiểm soát và bộ máy kiểm toán nội bộ đảm bảo tính độc lập và khách quan trong quá trình hoạt

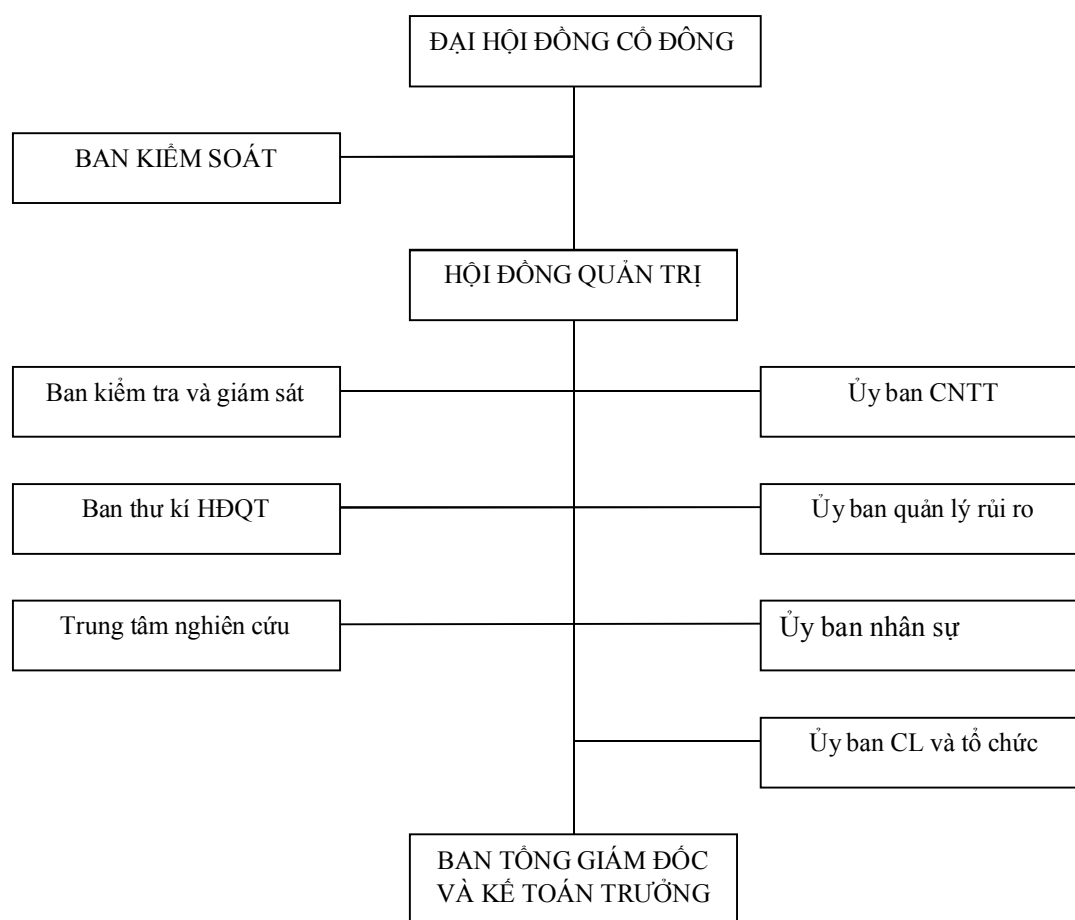
động. Tuy nhiên, vai trò của kiểm toán nội bộ còn rất mờ nhạt khi các báo cáo thường niên ít khi đề cập đến hoạt động của kiểm toán nội bộ hoặc có công bố nhưng không đi vào chi tiết. Trong phạm vi nghiên cứu hạn chế, bài viết tập trung đánh giá hai ngân hàng là Ngân hàng thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng thương mại Cổ phần quân đội (MB).

2.1. Bộ máy kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

Theo báo cáo của BIDV thì hiện nay, ngân hàng đang duy trì một ban kiểm soát với ba thành viên được bổ nhiệm từ ngày 1/5/2012. Trong tổ chức bộ máy của BIDV, ủy ban kiểm soát độc lập với ban điều hành (gồm tổng giám đốc và kế toán trưởng) và chỉ báo cáo trực tiếp với đại hội đồng cổ đông. Như vậy, ủy ban kiểm soát cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ là hoàn toàn độc lập thậm chí có phần vượt cấp quản lý của hội đồng quản trị. Tuy nhiên, báo cáo này hầu như không đề cập đến vai trò của ủy ban kiểm soát cũng như bộ phận kiểm toán nội bộ khi không công bố chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động.

BIDV cho rằng quá trình nhận diện và đánh giá rủi ro bao gồm việc phát hiện và đánh giá tất cả các yếu tố bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực tới việc đạt được mục tiêu của Ngân hàng. Rủi ro

Sơ đồ 2: Mô hình cơ cấu tổ chức trụ sở chính BIDV



Nguồn: BIDV, 2012

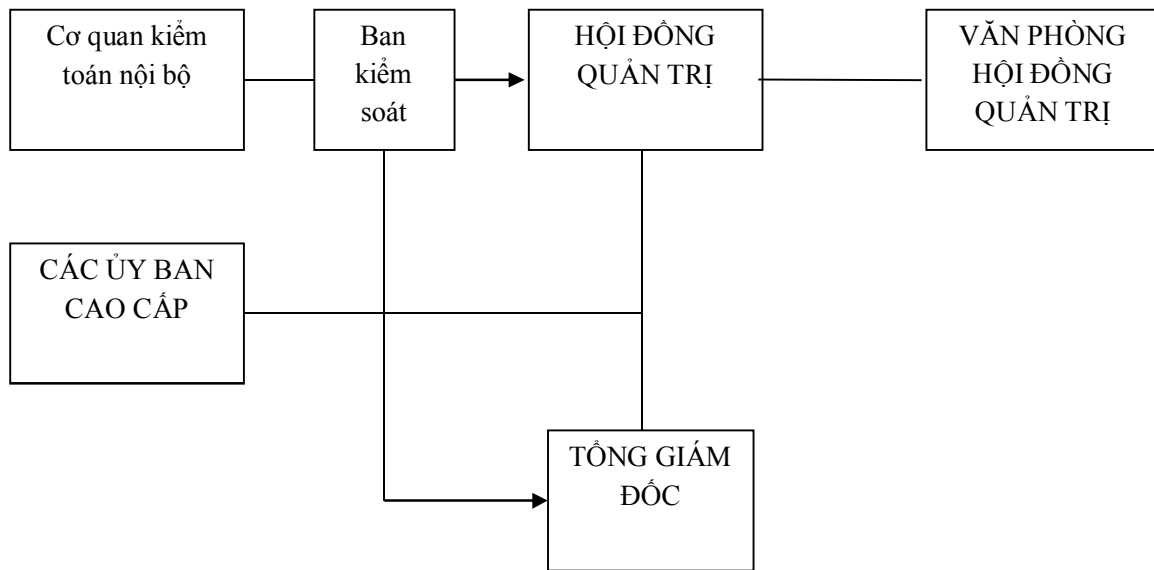
đối với việc đạt được mục tiêu ở đây được xem xét trong mối quan hệ tương quan với mức độ rủi ro có thể chấp nhận được. Vì thế, việc nhận diện và đánh giá rủi ro là cơ sở để xây dựng các chính sách quản lý rủi ro của ngân hàng. BIDV cho rằng Ban điều hành chịu trách nhiệm xây dựng và duy trì hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Quan điểm này thể hiện trong công tác xây dựng chính sách, quy trình, quy định nội bộ và đặc biệt là cơ cấu tổ chức. Những năm trước đây, trong cơ cấu tổ chức BIDV, vai trò của Ủy ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ khá mờ nhạt và còn chưa phân định rõ với Ban điều hành. Chính sự hoạt động kém hiệu quả của Ủy ban kiểm soát và bộ phận Kiểm toán nội bộ đã làm cho BIDV không phản ứng kịp thời với những biến động kinh tế, thị trường và rủi ro tín dụng. Kết quả hoạt động không mấy ấn tượng trong năm 2011, 2012, tỷ lệ nợ xấu cao nhất trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước đòi hỏi BIDV có những thay đổi phù hợp.

Năm 2012 đánh dấu sự thay đổi môi trường kiểm tra kiểm soát của BIDV. Cụ thể, cơ cấu tổ chức đã có những thay đổi so với năm 2011: Thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro tín dụng (Quyết định 190/QĐ-HĐQT) tại Hội sở chính; Thành lập lại và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ Ban kiểm tra và giám sát trực thuộc Hội đồng quản trị (HĐQT) (Quyết định số 166-167/QĐ-HĐQT); Thành lập Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát và Ban thư ký HĐQT (Quyết định số 168/QĐ-HĐQT). Những thay đổi trong cơ cấu tổ chức đã làm thay đổi cơ bản môi trường kiểm tra kiểm soát và độc lập hóa chức năng của Bộ phận kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ được hoàn thiện và cung cấp những nhân tố quản lý tốt hơn cho BIDV.

2.2. Bộ máy kiểm toán nội bộ tại ngân hàng thương mại cổ phần quân đội (MB)

Với MB – ngân hàng có hiệu quả hoạt động và chất lượng tín dụng tốt nhất hiện nay - thì ủy ban

Sơ đồ 3: Cơ cấu tổ chức của MB giai đoạn 2010- 2015



Nguồn: MB, 2012

kiểm soát được tổ chức nhân sự gồm bốn thành viên trước đây thuộc ban điều hành của ngân hàng.

Với tổ chức bộ máy hoạt động như trên có thể thấy bộ phận kiểm toán nội bộ của MB trực thuộc hội đồng quản trị. Tuy nhiên, ở đây có sự liên hệ trong hoạt động của ủy ban kiểm soát và kiểm toán nội bộ với ban điều hành (chức danh tổng giám đốc) sẽ làm giảm tính độc lập của những bộ phận này. Điều khác biệt trong bộ máy của MB so với các NHTMCP nhà nước khác là các ủy ban cao cấp như ủy ban nhân sự, ủy ban quản trị rủi ro, ủy ban tín dụng được phân cấp để chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của hội đồng quản trị hơn là ban điều hành. Việc tổ chức như vậy sẽ làm hội đồng quản trị can thiệp nhiều hơn vào việc ra quyết định của ban điều hành.

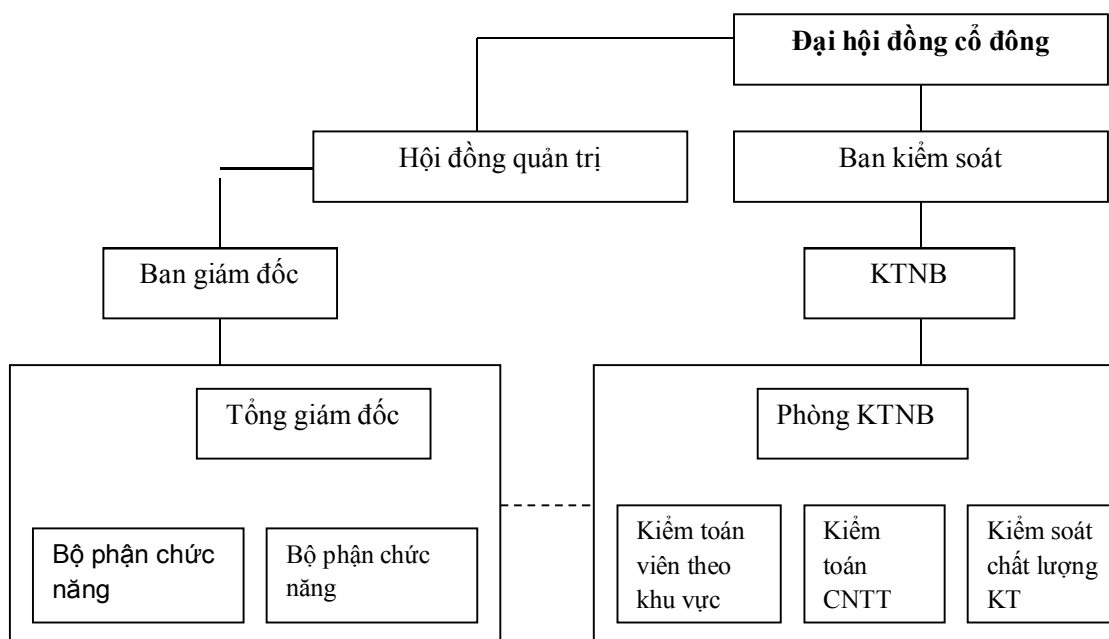
Theo Báo cáo tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thì hoạt động chính của Ban kiểm soát MB là giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; giám sát Báo cáo tài chính của ngân hàng; chỉ đạo hoạt động kiểm toán nội bộ và giám sát việc lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập... Với chức năng kiểm soát, giám sát như trên, Ban kiểm soát đã đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, nêu ra những mặt ưu điểm và hạn chế đồng thời đưa ra kiến nghị. Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị đóng góp rất lớn cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng trong năm 2012 và chiến lược hoạt động kinh doanh giai

đoạn 2011 – 2015. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị được khuyến nghị nên tổ chức họp bầu thành viên độc lập theo đúng quy định của Luật tổ chức tín dụng.

Năm 2012, Ủy ban kiểm soát MB đã hoạt động hiệu quả, đặc biệt là trong việc quản lý chức năng theo ngành dọc khi tăng cường kiểm soát hoạt động của các công ty con. Cũng trong năm 2012, Ủy ban đã cử một thành viên Ban kiểm soát giữ vai trò Trưởng Ban kiểm soát tại công ty CP chứng khoán MB (MBS). Chính hoạt động chặt chẽ và đồng bộ của ủy ban kiểm soát đã giúp cho MB kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro trong quá trình triển khai hoạt động. Tuy nhiên, do yêu cầu quản trị nội bộ cũng như tính bảo mật của thông tin nên những phát hiện của ủy ban kiểm soát và kiểm toán nội bộ chưa được công bố.

Có thể thấy đối tượng của kiểm toán nội bộ tại ngân hàng là rất rộng bao gồm nhiều lĩnh vực quan trọng như: hệ thống kiểm soát nội bộ, các thủ tục quản lý rủi ro, hệ thống thông tin tài chính, kiểm tra các giao dịch và các thủ tục, kiểm tra tính tuân thủ với pháp luật và quy định của các cơ quan quản lý và các cuộc điều tra đặc biệt khác ... Do đó, MB cần hoàn thiện mô hình kiểm toán nội bộ, đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động. Một điều đáng lưu ý nữa là thành viên của Ủy ban kiểm soát chủ yếu được luân chuyển trong nội bộ sau một thời

Sơ đồ 4: Cơ cấu tổ chức bộ phận KTNB



Ghi chú: Báo cáo chuyên môn _____

Báo cáo hành chính -----

Nguồn: Tác giả xây dựng

gian hoạt động trong MB. Điều này có thể mâu thuẫn với yêu cầu về tính chuyên môn hóa khi kiểm toán viên nội bộ được khuyến khích đạt được chứng chỉ hành nghề.

3. Kết luận

Qua phân tích và xem xét hai ngân hàng BIDV và MB dựa trên một số chỉ tiêu cơ bản về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động và chất lượng tín dụng so với một số ngân hàng TMCP Nhà nước khác, có thể thấy yếu tố kiểm soát và kiểm toán nội bộ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các ngân hàng này. Có thể nói ủy ban kiểm soát và bộ phận kiểm toán nội bộ chính là một công cụ đắc lực bên trong đơn vị giúp quản trị một cách tốt nhất rủi ro và đưa ra dự báo chính xác về hoạt động trong tương lai. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, các ngân hàng đã và đang xây dựng cho mình một hệ thống kiểm toán nội bộ một cách tối ưu nhất.

Sau đây là một số gợi ý xây dựng chiến lược cho một chức năng kiểm toán nội bộ trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

3.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ

Bộ máy kiểm toán nội bộ nên xây dựng theo mô

hình tập trung, kiểm toán nội bộ nên tập trung tại Hội sở chính của các ngân hàng. Tùy theo mức độ phát triển của mạng lưới ngân hàng mà hoạt động nội bộ có thể xem xét mở rộng khu vực tại các chi nhánh hay các phòng giao dịch. Khi mạng lưới kiểm toán nội bộ được mở rộng, bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ cần tách riêng các phòng kiểm toán nội bộ của các khu vực chứ không còn là một phòng tổng hợp như ban đầu. Hiện nay các NHTMCP nhà nước việc tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ mới chỉ dừng lại ở quy mô một phòng tổng hợp.

Và do tính chất của các hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng thì cũng nên có bộ phận kiểm toán công nghệ thông tin riêng biệt, bộ phận này sẽ cung cấp các dịch vụ cho tất cả các phòng kiểm toán khu vực và phòng kiểm soát chất lượng kiểm toán nội bộ, ví dụ như sơ đồ 4.

3.2. Xây dựng và phát triển nhân sự kiểm toán nội bộ

Nhân sự là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của bộ phận kiểm toán nội bộ. Việc xây dựng và phát triển nhân sự có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Các ngân hàng nên xem xét việc tăng số lượng kiểm toán viên, tăng chất lượng kiểm toán viên nội bộ.

Về số lượng kiểm toán viên nội bộ: Tuyển dụng những người có trình độ, kinh nghiệm phù hợp để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ kiểm toán viên nội bộ có năng lực. Số lượng kiểm toán viên nội bộ phụ thuộc vào phạm vi kiểm toán của từng năm và mức độ phức tạp của từng cuộc kiểm toán.

Về năng lực chuyên môn: Đội ngũ kiểm toán nội bộ cần thể hiện kiến thức chuyên môn chuyên sâu về các sản phẩm, dịch vụ và các quy trình hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, năng lực quản lý rủi ro và kiểm soát rủi ro.

3.3. Xây dựng chiến lược từ ngắn hạn đến dài

hạn

Để phát triển một khung chiến lược phù hợp, trước hết bộ phận KTNB phải xác định kỳ vọng (yêu cầu) của các nhà lãnh đạo cấp cao, hội đồng quản trị và ban điều hành về giá trị mà kiểm toán nội bộ mang lại cho tổ chức. Hiện nay, trong báo cáo thường niên của các NHTMCP đều đưa ra kế hoạch từ ngắn hạn đến dài hạn đây chính là cơ sở để kiểm toán nội bộ thông qua điều lệ, qui chế và cuối cùng là xây dựng chiến lược phát triển chính thức cho đơn vị. □

Tài liệu tham khảo:

Ngân hàng Nhà nước (2011). Thông tư số 44/2011/TT-NHNN. Hà Nội.

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư Việt Nam BIDV (2011-2012). Báo cáo thường niên.

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư Việt Nam BIDV (2011-2012). Báo cáo ủy ban Kiểm soát.

Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MB (2011-2012). Báo cáo thường niên

Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MB (2011-2012). Báo cáo ủy ban Kiểm soát

Nguyễn Quang Quỳnh và Nguyễn Thị Phương Hoa (2008). Giáo trình Lý thuyết Kiểm toán. Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Vietcombank (2011-2012). Báo cáo thường niên.

Assessing the role of the audit committee and internal audit department within Vietnamese joint – stock commercial bank

Abstract:

The audit committee and internal audit department seem to be one of the most effective ways to help banks manage risks. This article therefore analyses internal audit function in accordance within the organization of joint stock commercial banks that have good performance in 2011 and 2012.

Thông tin tác giả:

***Hà Hồng Hạnh, Thạc sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán và phân tích hoạt động kinh tế.

****Lê Quang Dũng, thạc sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán, Kiểm toán và phân tích hoạt động kinh tế.